

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI
Số: 01 /2025/QĐST-VDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Quyên – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên họp: Bà Mạc Minh Song - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, về việc: Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người **yêu cầu giải quyết việc dân sự**: Bà **Bùi Bích S- SN 1955**

Địa chỉ: Tổ E, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt)

Người có quyền lợi, **nghĩa vụ liên quan**: Ông **Trương Vĩnh S1- SN 26/02/1955**

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 11 (nay là tổ dân phố P), phường N (nay là phường H), thành phố Y, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu **cầu giải quyết** việc dân sự, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Bùi Bích S trình bày: Năm 1974, bà Bùi Bích S là Việt kiều từ Trung Quốc về nước và công tác tại nhà máy H còn ông Trương Vĩnh S1 công tác tại nhà máy H1. Đến năm 1976 thì bà S và ông S1 kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân hành chính thị xã L, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là thành phố

L, tỉnh Lào Cai). Đến năm 1979 thì bà S và ông S1 chuyển về thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái sinh sống, bà S công tác tại nhà máy B, còn ông S1 công tác tại nhà máy C. Năm 1991, khi bà S đang đi làm xa nhà thì ông S1 ở nhà bán nhà và cầm hết tiền đi biệt tin tức khi bà S về đến nhà thì mới được biết ông S1 bỏ nhà đi, bà S và gia đình đã đi tìm nhiều nơi nhưng đã hơn 33 năm qua vẫn không tìm được, ông S1 đã biệt tin tức. Đến nay bà Bùi Bích S yêu cầu Toà án tuyên bố ông Trương Vĩnh S1 là đã chết.

Về con chung giữa bà S và ông S1: Bà S và ông S1 có 02 người con là Trương Ngọc K-SN 05/08/1977 và Trương Ngọc Q-SN 01/04/1980, nhưng đều đã chết (có giấy chứng tử).

Về bố mẹ đẻ ông S1: Bố là ông Trương Quý M-SN 03/06/1933, là Kiều bào Trung Quốc, và mẹ đẻ là bà Phổ Phụng A, SN 1937, có Quốc tịch Trung Quốc, cả hai cũng đã chết tại Trung Quốc (có xác nhận của Đại đội quản lý xuất nhập cảnh Sở Công an thành phố K, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết việc dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết việc dân sự đến khi mở phiên họp đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết việc dân sự như sau: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Bùi Bích S tuyên bố ông Trương Vĩnh S1 đã chết.

Về lệ phí, quyền kháng cáo: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp. Căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Bích S yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trương Vĩnh S1, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ A (nay là tổ dân phố P), phường N (nay là phường H), thành phố Y, tỉnh Yên Bái, vụ án có liên quan đến nhân thân của ông S1 sinh sống tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái được quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Năm 1974, bà Bùi Bích S và ông Trương Vĩnh S1 là Việt kiều từ Trung Quốc về nước sinh sống và công tác. Đến năm 1976 thì bà S và ông S1 kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân hành chính thị xã L, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là thành phố L, tỉnh Lào Cai). Đến năm 1979 thì bà S và ông S1 chuyển về thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái sinh sống, bà S công tác tại nhà máy B, còn ông S1 công tác tại nhà máy C. Năm 1991, khi bà S đang đi làm xa nhà thì ông S1 ở nhà bán nhà và cầm hết tiền đi biệt tin tức, bà S và gia đình đã đi tìm nhiều nơi nhưng đã hơn 33 năm qua vẫn không tìm được, không có tin tức xác thực là còn sống hay đã chết.

Ngày 04/12/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố đã chết và đăng trên Kênh của Ban Đối ngoại (VOV5) Đ 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (phát sóng các ngày 04,05,06/12/2024); trên B1 03 lần trong 3 số liên tiếp (số I, 99, 100 ra các ngày 6/12/, 11/12 và ngày 13/12/2024); trên cổng thông tin của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định nhưng đến nay đã quá thời hạn 04 tháng vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc ông Trương Vĩnh S1 còn sống hay đã chết. Vì vậy, bà Bùi Bích S yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trương Vĩnh S1 đã chết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 71 Bộ luật Dân sự.

[3] Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì ông Trương Vĩnh S1 không có tin tức từ năm 1991, do không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng của ông S1. Căn cứ khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự, xác định ông S1 biệt tích kể từ ngày 01/01/1992. Ngày chết của ông S1 được xác định là ngày 02/01/1997 (hết thời hạn 05 năm kể từ ngày ông S1 biệt tích).

[4] Trường hợp ông Trương Vĩnh S1 trở về hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tin tức xác thực ông S1 còn sống thì ông S1 và người này có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ Quyết định tuyên bố ông S1 đã chết. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về tài sản của ông S1 được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Bích S là người cao tuổi nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà S được hoàn lại tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 180, Điều 371, Điều 372, Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Bích S: Tuyên bố ông Trương Vĩnh S1 - SN 26/02/1955, nơi cư trú cuối cùng: Tổ 11 (nay là tổ dân phố P), phường N (nay là phường H), thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã chết. Xác định ngày chết của ông Trương Vĩnh S1 là ngày 02/01/1997.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về tài sản và các quan hệ nhân thân khác của ông S1 được giải quyết như đối với người đã chết, tài sản và quyền thừa kế về tài sản của ông Trương Vĩnh S1 được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Về chi phí tố tụng và lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

2.1 Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Bích S phải chịu số tiền là 3.750.000 đồng cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm trên báo, đài (xác nhận bà S đã nộp đủ).

2.2 Về lệ phí: Bà Bùi Bích S không phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2024/0001702 ngày 28/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT2-TA Tối cao;
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Người yêu cầu;
- UBND phường Hồng Hà;
- Niêm yết;

THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Nguyễn Mạnh Hùng

- Lurü HS, HCTP, KT.